

Số: 2367/KH-TTKSBT

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 12 năm 2025

**KẾ HOẠCH**  
**Triển khai hoạt động Chương trình tiêm chủng mở rộng năm 2026**

Thực hiện Quyết định số 2780/QĐ-BYT ngày 29/8/2025 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng giai đoạn 03 năm (2026-2028); Kế hoạch số 298/KH-UBND ngày 10/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Tiêm chủng mở rộng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2028; Kế hoạch số 6206/KH-SYT ngày 10/12/2025 của Sở Y tế về việc triển khai công tác Tiêm chủng mở rộng ngành Y tế tỉnh Quảng Ninh năm 2026, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động Chương trình tiêm chủng mở rộng năm 2026, như sau:

**I. BỐI CẢNH CHUNG**

**1.1. Thông tin chung**

- Dân số: 1.414.182 người.
- Diện tích: 6.120,79 km<sup>2</sup>.
- Tổng số xã/phường/đặc khu: 54 (trong đó có 22 xã, 30 phường, 02 đặc khu).
- Tổng số điểm tiêm chủng: 254 điểm tiêm chủng gồm: 147 điểm TCMR tại các trạm Y tế (55 điểm tiêm tại Trạm Y tế và 92 điểm tiêm tại các điểm trạm); 19 điểm tiêm vắc xin Viêm gan B sơ sinh tại khoa sản thuộc Bệnh viện/TTYT huyện/thị xã/thành phố; 56 điểm tiêm chủng vắc xin dịch vụ trong và ngoài công lập, trong đó điểm tiêm chủng vắc xin công lập là 17 điểm, điểm tiêm tư nhân là 39.

- Đặc điểm địa lý: Quảng Ninh là tỉnh miền núi, trung du và hải đảo thuộc khu vực Đông Bắc Việt Nam, có vị trí chiến lược về kinh tế, văn hoá, du lịch và an ninh - quốc phòng. Tỉnh hiện có hơn 1,4 triệu dân, với cơ cấu dân cư đa dạng gồm các dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chi...; địa bàn hành chính gồm 54 xã, phường, thị trấn. Với đặc thù địa lý trải dài và phức tạp, dân cư phân bố rộng, nhiều nhóm dân tộc thiểu số cùng tình trạng biến động dân số lớn, công tác tiêm chủng mở rộng trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn trong quản lý đối tượng và tổ chức tiêm chủng.

**1.2. Sự cần thiết xây dựng kế hoạch**

Chương trình Tiêm chủng mở rộng (TCMR) được Bộ Y tế triển khai từ năm 1981 với sự hỗ trợ của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Quỹ Nhi đồng Liên Hợp

Quốc (UNICEF). Sau hơn 40 năm hình thành và phát triển, TCMR đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần mở rộng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu tới mọi người dân. Nhờ các chính sách y tế phù hợp và quá trình xã hội hóa hoạt động tiêm chủng, chương trình TCMR hiện nay đã trở thành một dịch vụ thiết yếu, đóng vai trò không thể thiếu trong hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Việt Nam.

Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BYT ngày 13/6/2024 của Bộ Y tế về danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc và Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ về Lộ trình tăng số lượng vắc xin trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2021 - 2030, từ năm 2026 sẽ có 13 bệnh truyền nhiễm có vắc xin phòng bệnh được triển khai trong tiêm chủng mở rộng bao gồm: Viêm gan B, Lao, Bạch hầu, Ho gà, Uốn ván, Bại liệt, Bệnh do Haemophilus influenzae týp b, Sởi, Rubella, Viêm não Nhật Bản B, Tiêu chảy do vi rút Rota, Viêm phổi/Viêm màng não do Phế cầu và Ung thư cổ tử cung do vi rút HPV.

Để duy trì và phát huy những thành quả đã đạt được của công tác tiêm chủng, việc xây dựng kế hoạch triển khai tiêm chủng thường xuyên và tổ chức các chiến dịch tiêm bổ sung hằng năm cho các nhóm đối tượng là hết sức quan trọng. Hoạt động này không chỉ góp phần tăng cường miễn dịch phòng bệnh cho trẻ em và phụ nữ có thai mà còn giúp mở rộng số lượng vắc xin trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng. Qua đó, hiệu quả phòng, chống các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm có vắc xin ngày càng được nâng cao, đảm bảo miễn dịch cộng đồng đối với từng bệnh và củng cố vững chắc công tác y tế dự phòng.

### **1.3. Cơ sở pháp lý:**

Căn cứ Luật phòng chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định 104/2016/NĐ - CP ngày 01/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về quy định hoạt động tiêm chủng;

Căn cứ Nghị định số 13/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 104/2016/NĐ - CP ngày 01/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về quy định hoạt động tiêm chủng;

Căn cứ Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ về Lộ trình tăng số lượng vắc xin trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng;

Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BYT ngày 13/06/2024 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, đối tượng và phạm vi phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc;

Căn cứ Quyết định số 2780/QĐ-BYT ngày 29/8/2025 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng giai đoạn 03 năm (2026-2028);

Căn cứ Kế hoạch số 257/KH-UBND ngày 05/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai kiểm tra tiền sử và tiêm chủng bù liều cho trẻ nhập học các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 298/KH-UBND ngày 10/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Tiêm chủng mở rộng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2028;

Căn cứ Kế hoạch số 5641/KH-SYT-SGDDT ngày 06/12/2024 của Sở Y tế và Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Phối hợp triển khai kiểm tra tiền sử và tiêm chủng bù liều cho trẻ nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Kế hoạch số 6206/KH-SYT ngày 10/12/2025 của Sở Y tế về việc triển khai công tác Tiêm chủng mở rộng ngành Y tế tỉnh Quảng Ninh năm 2026.

## **II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

### **2.1. Mục tiêu**

- Giữ vững các kết quả đã đạt được tiến tới không chế và loại trừ một số bệnh có vắc xin phòng ngừa.
- Củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác Tiêm chủng mở rộng.
- Triển khai vắc xin mới trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng (TCMR) theo quyết định, hướng dẫn của Bộ Y tế.

### **2.2. Chỉ tiêu chuyên môn**

#### **2.2.1. Chỉ tiêu tiêm chủng vắc xin**

- (1). Tỷ lệ tiêm vắc xin Viêm gan B sơ sinh trong vòng 24 giờ đạt  $\geq 90\%$ ;
- (2). Tỷ lệ tiêm vắc xin Lao (BCG) đạt  $\geq 95\%$ ;
- (3). Tỷ lệ tiêm vắc xin 5 trong 1 (DPT-VGB-Hib) đạt  $\geq 95\%$ ;
- (4). Tỷ lệ uống vắc xin Bại liệt (OPV) đạt  $\geq 95\%$ ;
- (5). Tỷ lệ tiêm vắc xin Bại liệt (IPV) đạt  $\geq 95\%$ ;
- (6). Tỷ lệ uống vắc xin Rota đạt  $\geq 95\%$  (theo lộ trình của Bộ Y tế);
- (7). Tỷ lệ tiêm vắc xin Sởi đạt  $\geq 95\%$ ;
- (8). Tỷ lệ tiêm đủ mũi Uốn ván cho phụ nữ có thai đạt  $\geq 90\%$ ;
- (9). Tỷ lệ tiêm vắc xin Bạch hầu – Ho gà- Uốn ván (DPT) đạt  $\geq 95\%$ ;
- (10). Tỷ lệ tiêm vắc xin Sởi – Rubella (MR) đạt  $\geq 95\%$ ;
- (11). Tỷ lệ tiêm vắc xin Uốn ván -Bạch hầu giảm liều (Td) đạt  $\geq 95\%$ ;

- (12). Tỷ lệ tiêm vắc xin Viêm não Nhật Bản (VNNB) đạt  $\geq 95\%$ ;
- (13). Tỷ lệ tiêm vắc xin Phế cầu (*tại địa phương được Bộ Y tế phân bổ vắc xin cho triển khai*) đạt  $\geq 95\%$ ;
- (14). Tỷ lệ tiêm vắc xin Ung thư cổ tử cung (HPV) (*tại địa phương được Bộ Y tế phân bổ vắc xin cho triển khai*) đạt  $\geq 95\%$ .

### **2.2.2. Chỉ tiêu giám sát bệnh trong Tiêm chủng mở rộng**

- (1). Không có vi rút bại liệt hoang dại;
- (2). 100% xã đạt tiêu chuẩn loại trừ Uốn ván sơ sinh;
- (3). Tỷ lệ mắc Sởi  $\leq 5/100.000$  người;
- (4). Tỷ lệ mắc Bạch hầu  $\leq 0,1/100.000$  người;
- (5). Tỷ lệ mắc Ho gà  $\leq 1/100.000$  người;
- (6). Ca Liệt mềm cấp được điều tra và lấy mẫu  $\geq 1/100.000$  trẻ dưới 15 tuổi;
- (7). Ca nghi Sởi/Rubella được điều tra và lấy mẫu xét nghiệm  $\geq 2/100.000$  người;
- (8). Số ca chết sơ sinh được điều tra  $\geq 2/1.000$  trẻ đẻ sống.

### **2.2.3. Chỉ tiêu hoạt động Kiểm tra tiền sử tiêm chủng và tiêm bù liều vắc xin đối với trẻ em tại các cơ sở mầm non, tiểu học năm học 2026-2027**

- (1). 100% đối tượng trẻ em, học sinh theo Kế hoạch được rà soát tiền sử tiêm chủng các vắc xin trong Chương trình TCMR khi nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học tại các địa phương trên toàn tỉnh.
- (2). 90% trẻ em, học sinh được xác định chưa tiêm chủng hoặc tiêm chủng chưa đủ mũi vắc xin sởi, sởi-rubella (MR), vắc xin bại liệt (bOPV, IPV) và viêm não Nhật Bản (VNNB) được tiêm chủng bù liều để phòng bệnh.

### **2.2.4. Chỉ tiêu giao Trạm Y tế các xã/phường/đặc khu (*Phụ lục 1,2 kèm theo*)**

## **III. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

### **1. Phạm vi, phương thức triển khai:**

- Phạm vi triển khai: Tất cả các xã, phường, đặc khu toàn tỉnh.
- Phương thức triển khai:
  - + Giao chỉ tiêu tiêm chủng đến từng xã, phường, đặc khu; trên cơ sở đó thường xuyên kiểm đếm, đánh giá kết quả thực hiện hàng tháng, hàng quý đảm bảo tỷ lệ được giao.
  - + Theo dõi rà soát, kịp thời đưa ra giải pháp quan tâm, đầu tư và chú trọng đặc biệt đối với các đối tượng tại vùng nguy cơ cao (tỷ lệ tiêm chủng thấp, tỷ lệ bỏ mũi cao, tỷ lệ phụ nữ ít được quan tâm tới chăm sóc sức khỏe sinh sản...), vùng đặc biệt khó khăn, khó tiếp cận với các dịch vụ y tế.

+ Phối hợp chặt chẽ với ngành Giáo dục để triển khai hoạt động rà soát tiền sử tiêm chủng và tổ chức tiêm bù, tiêm bổ sung các liều vắc xin còn thiếu cho trẻ nhập học mới tại các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học trong năm học 2026-2027.

## **2. Hình thức tiêm chủng**

- Tổ chức tiêm chủng các vắc xin trong TCMR tại tất cả các xã, phường, đặc khu trên toàn tỉnh đảm bảo đạt chỉ tiêu, an toàn và hiệu quả; Triển khai vắc xin Rota trong TCMR tại tỉnh Quảng Ninh năm 2026; tổ chức tiêm chủng thường xuyên ít nhất 2 lần/tháng, thực hiện tiêm vét ngay trong tháng; Tổ chức tiêm vắc xin Td trong tiêm chủng thường xuyên dưới hình thức chiến dịch.

- Tổ chức tiêm chủng vắc xin Viêm gan B sơ sinh trong vòng 24 giờ sau sinh tại cơ sở y tế; tổ chức tiêm chủng cho trẻ có bệnh nền, trẻ cần khám sàng lọc tại bệnh viện.

- Tổ chức tiêm chủng vắc xin bù liệu cho trẻ em nhập học tại các cơ sở mầm non, tiểu học niên học 2026 -2027, dự kiến thực hiện từ tháng 9 -12/2026.

- Đề xuất tổ chức chiến dịch uống bổ sung vắc xin bại liệt (bOPV) tại các vùng nguy cơ có tỷ lệ thấp, dự kiến thực hiện quý 2/2026

- Tổ chức triển khai tiêm bù, tiêm vét cho các đối tượng chưa tiêm, tiêm chưa đủ liều; tiêm chủng chiến dịch và các hình thức khác theo chỉ đạo của Bộ Y tế, Cục Phòng bệnh và Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

- Tiêm chủng chống dịch: Căn cứ vào chỉ đạo của Bộ Y tế, UBND tỉnh và tình hình dịch tại mỗi địa phương đề xuất triển khai tiêm vắc xin can thiệp chống dịch (khi cần thiết).

- Tiêm chủng dịch vụ: quan tâm, đẩy mạnh phát triển hệ thống tiêm chủng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của người dân.

## **3. Đối tượng tiêm chủng**

- Toàn bộ trẻ em từ dưới 1 tuổi đến 7 tuổi và phụ nữ có thai trên địa bàn toàn tỉnh, cụ thể:

+ Trẻ em dưới 1 tuổi: Tiêm vắc xin phòng Lao, Bạch hầu, Ho gà, Uốn ván, Bại liệt, Sởi, Viêm gan B, Hib, uống vắc xin phòng tiêu chảy do Rota;

+ Trẻ em từ 1 tuổi: Tiêm vắc xin phòng bệnh Viêm não Nhật Bản;

+ Trẻ 18 tháng tuổi: Tiêm vắc xin Bạch hầu-Ho gà-Uốn ván (DPT), vắc xin Sởi-Rubella (MR);

+ Trẻ 2 tuổi: Tiêm nhắc mũi 3 vắc xin Viêm não Nhật Bản;

+ Trẻ 7 tuổi: Tiêm vắc xin phòng Uốn ván-Bạch hầu giảm liều (Td);

+ Phụ nữ mang thai: Tiêm vắc xin phòng Uốn ván;

+ Đối tượng khác theo yêu cầu, chỉ định của Bộ Y tế.

*(Chi tiết dự kiến số đối tượng tại phụ lục 3)*

#### **4. Các hoạt động chuyên môn**

Năm 2026 tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao hiệu quả công tác tiêm chủng thường xuyên, triển khai tiêm chủng vắc xin Rota trong chương trình TCMR, tiêm chủng bù liều cho trẻ tại các cơ sở mầm non, tiểu học, tiêm chủng chiến dịch. Trạm Y tế các xã/phường/đặc khu chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể từ đầu năm để triển khai các hoạt động.

##### **4.1. Công tác quản lý đối tượng và tổ chức tiêm chủng**

- Rà soát, quản lý đối tượng theo thôn/khu, xác định nhu cầu về vắc xin, vật tư, trang thiết bị, xây dựng kế hoạch tiêm chủng mở rộng năm 2026 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Triển khai các đợt tiêm bù, tiêm vét đối tượng trẻ năm 2025 chưa tiêm, tiêm chưa đủ mũi; Triển khai chiến dịch uống bổ sung vắc xin bOPV cho các địa phương có tỷ lệ thấp. Theo dõi, đánh giá kết quả tiêm chủng cho đối tượng năm 2026, tổ chức tiêm bù tiêm vét với địa bàn có tỷ lệ tiêm chủng thấp để đảm bảo cho trẻ được tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch.

- Tăng cường rà soát đối tượng, đặc biệt đối với nhóm trẻ tại các địa phương vùng núi, biển đảo khó tiếp cận, vùng dân tộc thiểu số, bố trí các điểm tiêm chủng lưu động phù hợp để tăng khả năng tiếp cận vắc xin, tăng tỷ lệ tiêm chủng cho các nhóm trẻ này.

- Triển khai các hướng dẫn chuyên môn về tiêm chủng vắc xin cho các đơn vị, trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Y tế đảm bảo đúng quy định về đối tượng tiêm chủng, thời gian tiêm chủng đối với từng loại vắc xin....

- Tổ chức hiệu quả công tác tiêm chủng thường xuyên tại các địa phương và các chiến dịch tiêm chủng theo hướng dẫn của Bộ Y tế, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Sở Y tế. Hoàn thành chỉ tiêu tiêm chủng năm 2026. Quan tâm chỉ đạo việc tăng cường chất lượng và tỷ lệ tiêm chủng tại những vùng khó khăn, vùng sâu vùng xa, những địa bàn có tỷ lệ tiêm chủng thấp, các nhóm đối tượng yếu thế...

- Triển khai tiêm chủng vắc xin uốn ván, bạch hầu (Td) cho trẻ 7 tuổi năm 2026 dưới hình thức tiêm chủng chiến dịch, dự kiến thực hiện quý 3/2026

- Tiếp tục duy trì tiêm chủng vắc xin viêm gan B sơ sinh và mở rộng triển khai tiêm chủng vắc xin khác trong tiêm chủng mở rộng tại các bệnh viện trên địa bàn toàn tỉnh đạt hiệu quả.

- Triển khai vắc xin mới theo chỉ đạo của Bộ Y tế theo lộ trình Nghị Quyết 104/NQ-CP của Chính Phủ đến năm 2030.

- Triển khai hoạt động kiểm tra tiền sử và tiêm chủng bù liều cho trẻ nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học trên địa bàn theo Kế hoạch 980/KH-BYT-BGDĐT ngày 19/7/2023 của liên Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch số 257/KH-UBND ngày 05/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Duy trì và đẩy mạnh hệ thống giám sát phản ứng sau tiêm chủng, đáp ứng kịp thời với các trường hợp phản ứng nặng sau tiêm tránh khủng hoảng truyền thông ảnh hưởng đến tỷ lệ tiêm chủng...

- Tiếp nhận vắc xin từ Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, thực hiện quản lý, bảo quản, cấp phát vắc xin đúng quy định để đảm bảo vắc xin luôn có chất lượng tốt, giảm hao phí vắc xin và an toàn tiêm chủng.

#### 4.2. Công tác giám sát ca bệnh truyền nhiễm có vắc xin trong TCMR

- Giám sát và điều tra, lấy mẫu, xét nghiệm các trường hợp mắc bệnh thuộc bệnh truyền nhiễm có vắc xin trong TCMR, kịp thời đưa ra các phân tích chuyên môn để có biện pháp xử lý can thiệp hiệu quả nhằm duy trì kết quả thanh toán bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh và tiến tới loại trừ bệnh Sởi, Rubella và các bệnh truyền nhiễm khác.

- Giám sát ca bệnh trong tiêm chủng lồng ghép giám sát dựa vào sự kiện đối với các trường hợp Liệt mềm cấp; Sốt phát ban nghi sởi/Rubella; Uốn ván sơ sinh, Viêm não Nhật Bản B, Ho gà, Bạch hầu, chết sơ sinh... tại các đơn vị y tế tuyến: tỉnh, xã đạt chỉ tiêu đề ra.

- Hoàn thành chỉ tiêu giám sát bệnh có vắc xin phòng bệnh trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng.

- Triển khai giám sát điểm các bệnh theo yêu cầu, chỉ định của Bộ Y tế, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

- Các đơn vị thực hiện chỉ tiêu giám sát theo (phụ lục 2 kèm theo)

- Nội dung giám sát ca bệnh:

TT	Nội dung	Biện pháp	Hình thức
1	Bệnh bại liệt	- Phát hiện Liệt mềm cấp tính ở trẻ dưới 15 tuổi.	- Điều tra dịch tễ học (DTH). - Lấy 2 mẫu phân xét nghiệm 100% ca bệnh.
2	Uốn ván sơ sinh	- Phát hiện chết sơ sinh. - Phát hiện uốn ván sơ sinh	- Điều tra DTH phiếu điều tra theo quy định
3	Bệnh sởi/rubella	Phát hiện sốt phát ban nghi sởi/rubella.	- Điều tra DTH. - Lấy máu XN huyết thanh $\geq 90\%$ ca bệnh.

4	Bệnh ho gà.	Phát hiện ca bệnh.	- Điều tra DTH. - Lấy mẫu XN.
5	Bệnh bạch hầu	Phát hiện ca bệnh.	- Điều tra DTH - Lấy mẫu XN
6	Bệnh VNNB B	Phát hiện ca bệnh.	- Điều tra DTH. - Lấy máu XN huyết thanh.

- Giám sát, phát hiện các bệnh khác: lao, viêm gan B, tả, thương hàn và thực hiện điều tra dịch tễ học.

### **4.3. Các hoạt động duy trì thành quả thanh toán bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh, tiến đến loại trừ bệnh sởi.**

- Đảm bảo, duy trì tỷ lệ uống đầy đủ 03 liều vắc xin phòng bại liệt uống (bOPV) và tiêm 02 liều vắc xin IPV cho trẻ dưới 1 tuổi đạt  $\geq 95\%$ .

- Đảm bảo duy trì tỷ lệ tiêm vắc xin uốn ván (UV2+) cho phụ nữ có thai đạt  $\geq 90\%$ .

- Đẩy mạnh tiêm vắc xin sởi mũi 1 cho trẻ 9 tháng tuổi đạt  $\geq 95\%$  và vắc xin Sởi - Rubella cho trẻ 18 tháng đạt  $\geq 95\%$  trên địa bàn toàn tỉnh.

- Đẩy mạnh việc rà soát, quản lý đối tượng trẻ em dưới 1 tuổi, trẻ từ 18 đến dưới 24 tháng, phụ nữ có thai trên địa bàn tư vấn tiêm phòng vắc xin theo quy định của Bộ Y tế.

- Tăng cường giám sát các trường hợp liệt mềm cấp, chết sơ sinh tại cộng đồng và cơ sở khám, chữa bệnh; các trường hợp sốt phát ban nghi sởi-rubella; bảo đảm 100% ca bệnh được phát hiện, điều tra dịch tễ và lấy mẫu bệnh phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Tăng cường công tác chuẩn bị và đáp ứng đối với nguy cơ vi rút bại liệt xâm nhập và các trường hợp mắc UVSS tại tất cả các tuyến, đặc biệt tại các khu vực có tỷ lệ tiêm chủng thấp.

- Chủ động triển khai công tác phòng, chống dịch trên địa bàn; đề xuất tổ chức chiến dịch tiêm vắc xin bại liệt và vắc xin phòng sởi cho các nhóm đối tượng nguy cơ tại khu vực có nguy cơ cao nếu có.

- Triển khai đồng bộ các hoạt động nhằm hướng tới mục tiêu loại trừ bệnh sởi trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về phòng, chống dịch bệnh; thanh toán bệnh bại liệt; loại trừ uốn ván sơ sinh và bệnh sởi.

### **4.4. Công tác tuyên truyền, vận động đối tượng tiêm chủng**

- Xây dựng kế hoạch truyền thông về tiêm chủng mở rộng; nội dung truyền thông cần phong phú, ngắn gọn, dễ hiểu, tập trung vào các vấn đề người dân quan tâm.

- Chỉ đạo các địa phương, đơn vị thực hiện các hoạt động truyền thông hưởng ứng tuần lễ tiêm chủng năm 2026 (tháng 4/2026). Truyền thông triển khai uống vắc xin Rota năm 2026 tại tỉnh Quảng Ninh

- Đa dạng hóa các loại hình truyền thông để thông tin đến được với người dân nhanh nhất, thông tin đảm bảo tin cậy, chính xác.

- Thực hiện tốt công tác truyền thông nhằm tăng cường nhận thức, tạo chuyển biến hành vi về tiêm chủng đầy đủ và đúng lịch; củng cố niềm tin và sự đồng thuận xã hội đối với chương trình TCMR đến phụ huynh của trẻ.

- Thường xuyên cập nhật thông tin, tình hình cung ứng vắc xin, triển khai vắc xin mới thông báo kịp thời đến người dân đưa trẻ đi tiêm chủng.

#### **4.5. Công tác đào tạo, tập huấn**

##### **4.5.1. Tập huấn tại Trung ương**

- Tham dự tổng kết công tác tiêm chủng mở rộng năm 2025, triển khai kế hoạch năm 2026 theo Kế hoạch của Bộ Y tế, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

- Tập huấn hướng dẫn chuyên môn theo Kế hoạch của Cục Phòng bệnh, Chương trình tiêm chủng mở rộng Quốc gia, tiêm chủng mở rộng miền Bắc-Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

##### **4.5.2. Tập huấn Tiêm chủng trên địa bàn tỉnh**

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ y tế tuyến xã, các bệnh viện, phòng tiêm chủng dịch vụ: 14 lớp, tổng số học viên 700 người, cấp giấy chứng nhận tập huấn tiêm chủng.

- Nội dung: Tập huấn công tác an toàn tiêm chủng, triển khai kế hoạch năm 2026; hướng dẫn công tác quản lý đối tượng, thống kê báo cáo chỉ tiêu tiêm chủng; triển khai tiêm chủng vắc xin mới; kỹ năng đáp ứng thực hiện các bước điều tra, đánh giá các trường hợp phản ứng phản vệ sau tiêm chủng; hướng dẫn giám sát bệnh truyền nhiễm có vắc xin trong tiêm chủng; hướng dẫn triển khai phần mềm Quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia; triển khai kiểm tra tiền sử tiêm chủng và tiêm bù liều vắc xin cho trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học.

- Thời gian dự kiến: Quý 2 -3/2026.

#### **4.6. Công tác kiểm tra, giám sát**

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai hoạt động tiêm chủng tại các đơn vị, trong đó chú trọng giám sát việc tuân thủ quy định an toàn tiêm chủng, theo dõi xử trí phản

ứng sau tiêm chủng, thực hiện phần mềm tiêm chủng và hoạt động của cơ sở tiêm chủng dịch vụ.

- Thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát triển khai các hoạt động tiêm chủng tại các đơn vị dự phòng, điều trị; đánh giá cơ sở vật chất và nhân lực tham gia hoạt động tiêm chủng, công tác tiếp nhận, quản lý và sử dụng vắc xin, hệ thống dây chuyền lạnh và vật tư TCMR tại các địa phương.

- Nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát tại các tuyến, phát hiện những vấn đề tồn tại, hạn chế để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Phản hồi kết quả giám sát và đề xuất đưa ra các giải pháp can thiệp nâng cao chất lượng hệ thống tiêm chủng toàn tỉnh.

#### **4.7. Giám sát, đáp ứng xử lý phản ứng sau tiêm chủng**

- Thực hiện nghiêm công tác giám sát phản ứng sau tiêm chủng theo quy định tại Thông tư 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Duy trì, kiện toàn và củng cố vai trò của hội đồng tư vấn chuyên môn đánh giá tai biến trong quá trình sử dụng vắc xin sinh phẩm y tế.

- Duy trì và củng cố hệ thống giám sát phản ứng sau tiêm chủng, thực hiện đúng quy định của Bộ Y tế trong việc giám sát phản ứng sau tiêm chủng.

- Thực hiện tổng hợp đầy đủ, kịp thời thông tin phản ứng sau tiêm chủng, cập nhật lên Hệ thống thông tin tiêm chủng Quốc gia và trong báo cáo tiêm chủng hằng tháng.

- Xử lý, đáp ứng các trường hợp phản ứng nặng sau tiêm chủng (nếu có):

- + Trạm Y tế có trách nhiệm kịp thời phát hiện, báo cáo, lập hồ sơ ban đầu và phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trong việc xác minh, đề xuất thực hiện bồi thường theo quy định tại Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ đối với các trường hợp xảy ra tai biến sau tiêm chủng khi sử dụng vắc xin trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe hoặc tính mạng người được tiêm chủng.

- + Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thực hiện chỉ đạo của Hội đồng tư vấn chuyên môn Sở Y tế thực hiện đánh giá xác minh điều tra các nguyên nhân hoàn thiện hồ sơ và phối hợp với Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương thực hiện bồi thường theo quy định tại Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về hoạt động tiêm chủng khi sử dụng vắc xin trong Chương trình TCMR xảy ra tai biến ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe hoặc gây thiệt hại đến tính mạng của người được tiêm chủng trong trường hợp được xác định nguyên nhân do chất lượng của vắc xin, đặc tính cố hữu của vắc xin, sai sót trong khâu bảo quản, vận chuyển vắc xin từ trung ương đến tuyến tỉnh, thành phố theo quy định.

#### **4.8. Thực hiện phần mềm quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia**

- Thực hiện triển khai phần mềm Tiêm chủng 2 cấp (tỉnh, xã) theo hướng dẫn Bộ Y tế, Cục phòng bệnh và Viện VSĐT Trung ương.

- Duy trì thực hiện quản lý, cấp mới tài khoản tiêm chủng Quốc gia cho 100% cơ sở tiêm chủng trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện cập nhật, gộp đơn vị hành chính trên phần mềm Tiêm chủng sau khi sắp xếp đơn vị y tế.

- Quản lý và cập nhật 100% đối tượng tiêm chủng vào phần mềm Tiêm chủng Quốc gia. Đặc biệt 100% đối tượng được sinh tại bệnh viện, cơ sở y tế được cập nhật thông tin lên phần mềm tiêm chủng.

- Tăng cường công tác rà soát đối tượng trên địa bàn, bảo đảm cập nhật chính xác, đầy đủ thông tin đối tượng tiêm chủng và các mũi tiêm đã thực hiện; làm cơ sở tổng hợp số liệu độ bao phủ vắc xin và đánh giá kết quả thực hiện công tác tiêm chủng tại địa bàn.

- Triển khai, phát triển các tiện ích phần mềm quản lý hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia, sổ tiêm chủng điện tử, kết nối liên thông dữ liệu với các phần mềm hồ sơ sức khỏe, quản lý công dân.

#### **4.9. Củng cố hệ thống thống kê, tăng cường chất lượng báo cáo**

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách về thống kê báo cáo Tiêm chủng mở rộng tại các tuyến, các cơ sở tiêm chủng dịch vụ, thực hiện báo cáo theo Thông tư 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Hướng dẫn, hỗ trợ phân tích số liệu thống kê tiêm chủng đối với tuyến dưới.

- Thực hiện cập nhật đầy đủ thông tin trên tất cả các biểu mẫu báo cáo tại hệ thống Quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia: báo cáo bệnh truyền nhiễm trong tiêm chủng, hoàn thiện đầy đủ số liệu các biểu báo cáo.

- Cập nhật số liệu tiêm chủng, vắc xin trên Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia đúng quy định.

#### **4.10. Ứng dụng khoa học, công nghệ trong tiêm chủng mở rộng**

- Tích cực triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học về công tác tiêm chủng; Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong công tác tiêm chủng để cải thiện và nâng cao chất lượng tiêm chủng trên địa bàn.

- Khai thác triệt để các ứng dụng phần mềm trong việc báo cáo bệnh truyền nhiễm, tiếp nhận thông tin về dịch bệnh, quản lý tiêm chủng...để hỗ trợ cho công tác quản lý, khai thác dữ liệu phục vụ cho triển khai kế hoạch tiêm chủng.

#### **4.11. Hệ thống dây chuyền lạnh bảo quản vắc xin**

- Các đơn vị, địa phương tiến hành rà soát toàn bộ hệ thống dây chuyền lạnh hiện có; căn cứ thực trạng đề đề xuất bổ sung định mức trang thiết bị cho các Trạm Y tế xã/phường/đặc khu và bệnh viện. Đồng thời, xây dựng và hoàn thiện kho bảo quản vắc xin theo tiêu chuẩn GSP, bảo đảm dung tích lưu trữ phù hợp với nhu cầu hiện tại và đáp ứng lộ trình tăng số lượng vắc xin giai đoạn 2022–2030 theo Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ.

- Chỉ đạo các đơn vị xây dựng phương án bảo quản dự phòng đảm bảo chất lượng vắc xin khi có tình huống bất thường xảy ra.

- Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống dây chuyền lạnh hằng năm, bảo đảm an toàn trong công tác bảo quản vắc xin.

- Kiểm tra, giám sát sát hỗ trợ các đơn vị hoàn thành hồ sơ công bố GSP kho lạnh.

#### **4.12. Cung ứng vắc xin, vật tư tiêm chủng**

- Cục Phòng bệnh - Bộ Y tế là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm mua vắc xin; Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm thực hiện kiểm định vắc xin; Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm tiếp nhận, bảo quản và cung ứng vắc xin cho tỉnh.

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tiếp nhận vắc xin từ Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương để phân bổ đến các Trạm Y tế xã, phường, đặc khu theo hướng dẫn của Sở Y tế.

- Trạm Y tế xã, phường, đặc khu có trách nhiệm lập dự trù nhu cầu vắc xin gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; tiếp nhận vắc xin từ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; thực hiện bảo quản vắc xin đúng quy định; tổ chức tiêm chủng an toàn, hiệu quả; đồng thời theo dõi, quản lý tồn kho vắc xin tại đơn vị.

- Bơm kim tiêm, vật tư tiêm chủng: Các đơn vị rà soát số lượng còn tồn và đề xuất nhu cầu cần mua bổ sung bằng nguồn kinh phí dịch vụ công, kinh phí địa phương. *(Nhu cầu vắc xin toàn tỉnh tại phụ lục 4 kèm theo)*

- Đảm bảo thực hiện tốt quy định hệ số sử dụng vắc xin theo quyết định của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương và Sở Y tế đã ban hành.

- Duy trì kiểm kê kho quản lý vắc xin, vật tư Chương trình TCMR hàng tháng tại tuyến tỉnh và tuyến xã; đồng thời tổ chức giám sát, kiểm tra hàng tháng và hàng quý việc quản lý, sử dụng vắc xin, bơm kim tiêm và vật tư tiêm chủng tại các TYT.

#### **IV. KINH PHÍ**

Kinh phí để thực hiện được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước giao cho cơ quan, đơn vị và địa phương theo phân cấp hiện hành và nguồn kinh phí hợp pháp

khác; lồng ghép các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ có liên quan theo quy định hiện hành (*trừ kinh phí thực hiện các hoạt động đã được ngân sách trung ương đảm bảo theo quy định*).

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật**

- Tham mưu Sở Y tế ban hành và triển khai kịp thời kế hoạch, các văn bản chuyên môn thực hiện Chương trình Tiêm chủng mở rộng theo quy định của Bộ Y tế và Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương; chỉ đạo các địa phương tổ chức triển khai hoạt động tiêm chủng bảo đảm đúng quy định; tham mưu công tác kiểm tra, giám sát, hậu kiểm cơ sở tiêm chủng trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các phòng chức năng của Sở Y tế theo dõi, nắm bắt tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch của các địa phương, đơn vị để tham mưu cho Lãnh đạo Sở Y tế chỉ đạo triển khai Kế hoạch đảm bảo các chỉ tiêu đề ra.

- Là đầu mối chỉ đạo các hoạt động chuyên môn về công tác tiêm chủng, tiếp nhận vắc xin, vật tư, kinh phí trang thiết bị phục vụ cho triển khai kế hoạch TCMR năm 2026.

- Thực hiện hướng dẫn, tập huấn chuyên môn triển khai công tác an toàn tiêm chủng, ghi nhận và điều tra phản ứng sau tiêm chủng; đề xuất tổng hợp đối tượng và nhu cầu vắc xin năm hàng năm theo quy định.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc triển khai tiêm chủng tại các đơn vị đảm bảo an toàn, hiệu quả, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Kịp thời nắm bắt tổng hợp các khó khăn vướng mắc, đặc biệt đối với các địa bàn có tỷ lệ tiêm chủng thấp, vùng nguy cơ xảy ra dịch bệnh để báo cáo Sở Y tế.

- Tổng hợp báo cáo kết quả tiêm chủng theo đúng quy định; chỉ đạo triển khai hiệu quả phần mềm tiêm chủng và phần mềm quản lý dây chuyền lạnh, sổ tiêm chủng điện tử; tổng hợp tham mưu cho Sở Y tế báo cáo tiến độ triển khai Kế hoạch định kỳ 6 tháng, 1 năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của tỉnh, Trung ương.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị truyền thông, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền về tiêm chủng mở rộng, kiểm tra tiền sử và tiêm chủng bù liều cho trẻ nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh bao gồm: lợi ích tiêm chủng phòng bệnh, các loại vắc xin phòng bệnh, lịch tiêm chủng, thông tin triển khai tiêm bù tiêm vét, tiêm chủng các vắc xin mới.

- Phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động tiêm chủng tại các cơ sở tiêm chủng công lập và cơ sở tiêm chủng dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

### **2. Trạm Y tế các xã, phường, đặc khu**

- Phối hợp với phòng Văn hóa – Xã hội tham mưu cho UBND xã, phường, đặc khu xây dựng kế hoạch TCMR, tiêm chủng chiến dịch, kiểm tra tiền sử và tiêm chủng bù liều cho trẻ nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2026, phân công nhiệm vụ cho từng phòng ban/cán bộ cụ thể. Rà soát, quản lý chặt chẽ đối tượng tiêm chủng trên địa bàn. Tổ chức thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt.

- Rà soát, quản lý chặt chẽ đối tượng theo độ tuổi tiêm chủng trên địa bàn; thực hiện quản lý trẻ theo thôn, khu; thường xuyên theo dõi tiến độ tiêm chủng, chủ động đề xuất và triển khai các giải pháp tiêm bù, tiêm vét nhằm bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch tiêm chủng và công tác giám sát bệnh.

- Tiếp nhận vắc xin, vật tư tiêm chủng, bảo quản và sử dụng đúng quy định.

- Đảm bảo nhân lực, trang thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động tiêm chủng tại đơn vị.

- Triển khai hiệu quả công tác truyền thông trong tiêm chủng, vận động người dân tham gia chương trình tiêm chủng mở rộng.

- Thực hiện giám sát, phát hiện điều tra, lấy mẫu bệnh phẩm các ca bệnh truyền nhiễm trong tiêm chủng.

- Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông về công tác tiêm chủng, hưởng ứng Tuần lễ tiêm chủng năm 2026 trên địa bàn, bảo đảm nội dung phù hợp và đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân.

- Rà soát, cập nhật và hoàn thiện các quy trình tiêm chủng; bổ sung, kiện toàn nhân lực trong hồ sơ cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng, phù hợp với thực tế hoạt động của Trạm Y tế.

- Thực hiện nghiêm quy trình tiêm chủng; giám sát, ghi nhận và điều tra các trường hợp phản ứng sau tiêm chủng theo quy định.

- Duy trì, vận hành hiệu quả phần mềm Quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia; triển khai kịp thời các tiện ích mới theo chỉ đạo của tuyến trên.

- Báo cáo kết quả tiêm chủng hàng tháng theo quy định Thông tư 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 của Bộ Trưởng Bộ Y tế. Thực hiện tốt Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia, phần mềm quản lý dây chuyền lạnh, sổ tiêm chủng điện tử.

- Chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả tiêm chủng tại các phòng tiêm chủng dịch vụ và khoa sản của các bệnh viện trên địa bàn; gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trước ngày mùng 05 tháng theo hướng dẫn.

### **3. Các đơn vị điều trị**

- Tổ chức tốt việc tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh và các vắc xin TCMR khác khi có hướng dẫn triển khai.

- Cập nhật 100% thông tin trẻ sinh tại khoa sản vào Hệ thống Quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia.

- Phối hợp tốt trong công tác thông tin, báo cáo và điều trị các bệnh truyền nhiễm trong chương trình TCMR.

- Sẵn sàng cấp cứu, xử trí các trường hợp PUSTC bao gồm các trường hợp do tuyến dưới chuyển lên.

- Thực hiện công tác báo cáo kết quả tiêm chủng theo Thông tư 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 của Bộ Y tế.

- Báo cáo kết quả giám sát, điều trị viêm gan B ở trẻ em theo hướng dẫn tại kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 12/01/2023 về kế hoạch phòng chống bệnh viêm gan vi rút giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh của Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **4. Các cơ sở tiêm chủng dịch vụ**

- Tăng cường công tác đảm bảo an toàn tiêm chủng; đảm bảo nguồn vắc xin cung ứng nhu cầu tiêm chủng của người dân trên địa bàn; Truyền thông, tư vấn cho người dân tiếp tục đưa con đến Trạm Y tế uống vắc xin phòng bại liệt (bOPV) góp phần hoàn thành chỉ tiêu, tỷ lệ tiêm chủng trên địa bàn.

- Thực hiện báo cáo kết quả tiêm chủng vắc xin dịch vụ theo quy định tại Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 của Bộ Y tế; gửi về Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trên địa bàn để tổng hợp.

Trên đây là Kế hoạch triển khai hoạt động Chương trình tiêm chủng mở rộng năm 2026, đề nghị các đơn vị căn cứ xây dựng kế hoạch cụ thể, triển khai và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch.

#### ***Nơi nhận:***

- Cục Phòng bệnh (báo cáo);
- Viện VSDTTU (báo cáo);
- Sở Y tế (báo cáo);
- Các đơn vị Y tế;
- Các cơ sở TCDV;
- Lưu: VT, PCBTN.

**GIÁM ĐỐC**

**Vũ Quyết Thắng**







## PHỤ LỤC 2: CHỈ TIÊU GIÁM SÁT BỆNH TRONG TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số: 2567/KH-TTKSBT ngày 15 tháng 12 năm 2025)

TT	TYT xã/phường/đặc khu	Không có vi rút bại liệt hoang dại	Đạt tiêu chuẩn loại trừ Uốn ván sơ sinh	Tỷ lệ mắc Sởi/100.000 người	Tỷ lệ mắc Bạch hầu/100.000 người	Tỷ lệ mắc Ho gà/100.000 người	Ca Liệt mềm cấp được điều tra và lấy mẫu ở trẻ dưới 15 tuổi	Ca nghi Sởi/Rubella được điều tra và lấy mẫu xét nghiệm/100.000 người	Số ca chết sơ sinh được điều tra/1.000 trẻ đẻ sống
1	Phường An Sinh	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
2	Phường Đông Triều	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
3	Phường Bình Khê	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
4	Phường Mạo Khê	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
5	Phường Hoàng Quế	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
6	Phường Quảng Yên	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
7	Phường Hiệp Hòa	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
8	Phường Hà An	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
9	Phường Đông Mai	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
10	Phường Phong Cốc	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
11	Phường Liên Hòa	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
12	Phường Yên Tử	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
13	Phường Vàng Danh	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
14	Phường Uông Bí	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
15	Phường Tuần Châu	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
16	Phường Việt Hưng	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
17	Phường Bãi Cháy	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
18	Phường Hà Tu	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
19	Phường Hà Lâm	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2

TT	TYT xã/phường/đặc khu	Không có vi rút bại liệt hoang dại	Đạt tiêu chuẩn loại trừ Uốn ván sơ sinh	Tỷ lệ mắc Sởi/100.000 người	Tỷ lệ mắc Bạch hầu/100.000 người	Tỷ lệ mắc Ho gà/100.000 người	Ca Liệt mềm cấp được điều tra và lấy mẫu ở trẻ dưới 15 tuổi	Ca nghi Sởi/Rubella được điều tra và lấy mẫu xét nghiệm/100.000 người	Số ca chết sơ sinh được điều tra/1.000 trẻ đẻ sống
20	Phường Cao Xanh	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
21	Phường Hồng Gai	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
22	Phường Hạ Long	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
23	Phường Hoàn Bô	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
24	Xã Quảng La	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
25	Xã Thống Nhất	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
26	Phường Quang Hanh	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
27	Phường Cẩm Phá	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
28	Phường Cửa Ông	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
29	Phường Mông Dương	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
30	Xã Hải Hòa	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
31	Cái Bàu	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
32	Vân Hải	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
33	Đặc khu Cô Tô	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
34	Xã Lương Minh	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
35	Xã Kỳ Thượng	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
36	Xã Ba Chẽ	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
37	Xã Tiên Yên	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
38	Xã Điền Xá	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
39	Xã Đông Ngũ	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
40	Xã Hải Lạng	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2
41	Xã Hoàn Mô	0 trường hợp	Đạt	≤ 5	≤ 0,1	≤ 1	≥ 1	≥ 2	≥ 2

TT	TYT xã/phường/đặc khu	Không có vi rút bại liệt hoang dại	Đạt tiêu chuẩn loại trừ Uốn ván sơ sinh	Tỷ lệ mắc Sởi/100.000 người	Tỷ lệ mắc Bạch hầu/100.000 người	Tỷ lệ mắc Ho gà/100.000 người	Ca Liệt mềm cấp được điều tra và lấy mẫu ở trẻ dưới 15 tuổi	Ca nghi Sởi/Rubella được điều tra và lấy mẫu xét nghiệm/100.000 người	Số ca chết sơ sinh được điều tra/1.000 trẻ đẻ sống
42	Xã Lục Hồn	0 trường hợp	Đạt	$\leq 5$	$\leq 0,1$	$\leq 1$	$\geq 1$	$\geq 2$	$\geq 2$
43	Xã Bình Liêu	0 trường hợp	Đạt	$\leq 5$	$\leq 0,1$	$\leq 1$	$\geq 1$	$\geq 2$	$\geq 2$
44	Xã Quảng Tân	0 trường hợp	Đạt	$\leq 5$	$\leq 0,1$	$\leq 1$	$\geq 1$	$\geq 2$	$\geq 2$
45	Xã Đầm Hà	0 trường hợp	Đạt	$\leq 5$	$\leq 0,1$	$\leq 1$	$\geq 1$	$\geq 2$	$\geq 2$
46	Xã Quảng Hà	0 trường hợp	Đạt	$\leq 5$	$\leq 0,1$	$\leq 1$	$\geq 1$	$\geq 2$	$\geq 2$
47	Xã Đường Hoa	0 trường hợp	Đạt	$\leq 5$	$\leq 0,1$	$\leq 1$	$\geq 1$	$\geq 2$	$\geq 2$
48	Xã Quảng Đức	0 trường hợp	Đạt	$\leq 5$	$\leq 0,1$	$\leq 1$	$\geq 1$	$\geq 2$	$\geq 2$
49	Xã Cái Chiên	0 trường hợp	Đạt	$\leq 5$	$\leq 0,1$	$\leq 1$	$\geq 1$	$\geq 2$	$\geq 2$
50	Xã Hải Sơn	0 trường hợp	Đạt	$\leq 5$	$\leq 0,1$	$\leq 1$	$\geq 1$	$\geq 2$	$\geq 2$
51	Xã Hải Ninh	0 trường hợp	Đạt	$\leq 5$	$\leq 0,1$	$\leq 1$	$\geq 1$	$\geq 2$	$\geq 2$
52	Xã Vĩnh Thục	0 trường hợp	Đạt	$\leq 5$	$\leq 0,1$	$\leq 1$	$\geq 1$	$\geq 2$	$\geq 2$
53	Phường Móng Cái 1	0 trường hợp	Đạt	$\leq 5$	$\leq 0,1$	$\leq 1$	$\geq 1$	$\geq 2$	$\geq 2$
54	Phường Móng Cái 2	0 trường hợp	Đạt	$\leq 5$	$\leq 0,1$	$\leq 1$	$\geq 1$	$\geq 2$	$\geq 2$
55	Phường Móng Cái 3	0 trường hợp	Đạt	$\leq 5$	$\leq 0,1$	$\leq 1$	$\geq 1$	$\geq 2$	$\geq 2$

**PHỤ LỤC 3: DỰ KIẾN ĐỐI TƯỢNG TIÊM CHỦNG TOÀN TỈNH NĂM 2026**

*(Kèm theo Kế hoạch số: 2567/KH-TTKSBT ngày 15 tháng 12 năm 2025)*

TT	Địa phương	Năm 2026					
		Trẻ < 1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	Phụ nữ có thai
1	An Sinh	273	272	264	268	294	273
2	Đông Triều	444	448	460	451	551	444
3	Bình Khê	237	242	260	255	299	237
4	Mạo Khê	680	673	689	679	942	680
5	Hoàng Quế	368	368	365	372	436	368
6	Quảng Yên	340	340	353	370	380	340
7	Hiệp Hòa	404	404	426	430	515	404
8	Hà An	272	272	273	268	305	268
9	Đông Mai	260	260	260	265	315	260
10	Phong Cốc	302	302	330	317	346	302
11	Liên Hòa	335	352	389	378	440	335
12	Yên Tử	432	443	438	446	535	431
13	Vàng Danh	360	360	369	376	520	341
14	Uông Bí	545	550	567	567	818	543
15	Tuần Châu	278	296	296	324	195	320
16	Việt Hưng	458	462	404	410	954	428
17	Bãi Cháy	500	520	320	520	576	630
18	Hà Tu	250	270	250	272	315	520

TT	Địa phương	Năm 2026					
		Trẻ < 1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	Phụ nữ có thai
19	Hà Lâm	444	466	450	454	681	660
20	Cao Xanh	322	322	322	344	338	322
21	Hồng Gai	460	450	430	450	1071	430
22	Hạ Long	530	530	510	530	880	480
23	Hoành Bồ	316	304	314	282	183	342
24	Quảng La	116	122	152	184	144	102
25	Thống Nhất	268	268	268	282	254	218
26	Quang Hanh	450	450	450	450	730	450
27	Cẩm Phả	546	546	546	546	760	546
28	Cửa Ông	530	530	530	530	870	530
29	Mông Dương	200	200	200	200	290	200
30	Hải Hòa	50	50	50	50	78	50
31	Vân Đồn	529	543	570	578	791	502
32	Cô Tô	69	69	93	104	115	69
33	Lương Minh	105	98	116	114	140	113
34	Kỳ Thượng	85	90	99	93	117	90
35	Ba Chẽ	276	273	285	286	299	276
36	Tiên Yên	300	300	280	270	380	280
37	Điền Xá	103	108	120	123	143	106
38	Đông Ngũ	293	293	274	282	370	286
39	Hải Lạng	135	130	128	152	190	135

TT	Địa phương	Năm 2026					
		Trẻ < 1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	Phụ nữ có thai
40	Hoành Mô	130	130	144	148	188	135
41	Lục Hồn	127	135	137	140	162	135
42	Bình Liêu	209	217	221	231	319	209
43	Quảng Tân	270	270	257	301	305	265
44	Đầm Hà	302	318	345	374	387	311
45	Quảng Hà	562	584	524	589	754	542
46	Đường Hoa	273	275	260	269	351	256
47	Quảng Đức	169	180	192	195	227	164
48	Cái Chiên	8	5	7	12	10	8
49	Hải Sơn	64	70	65	66	85	64
50	Hải Ninh	128	132	145	133	195	128
51	Vĩnh Thục	85	89	84	88	100	85
52	Móng Cái 1	544	538	604	544	859	544
53	Móng Cái 2	348	373	345	378	377	348
54	Móng Cái 3	255	256	254	274	290	255
<b>Toàn tỉnh</b>		<b>16.339</b>	<b>16.548</b>	<b>16.484</b>	<b>17.014</b>	<b>22.169</b>	<b>16.760</b>

## PHỤ LỤC 4: TỔNG HỢP DỰ KIẾN NHU CẦU VẮC XIN TCMR NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số: 2567/KH-TTKSBT ngày 15 tháng 12 năm 2025)

TT	Vắc xin	Tổng hợp dự kiến nhu cầu vắc xin TCMR năm 2026										
		Dự kiến nhu cầu vắc xin sử dụng cho đối tượng TCMR năm 2026									Sử dụng tiêm bù, tiêm chủng trường học	Tổng cộng
		Đối tượng tiêm chủng dự kiến	Chỉ tiêu tiêm chủng tối thiểu cần đạt (%)	Số đối tượng cần tiêm chủng năm 2026			Số mũi cần tiêm	Hệ số sử dụng *	Số liều vắc xin cần tiêm trong chương trình TCMR	Số liều vắc xin dự trữ (chẵn liều theo lọ)		
Tổng cộng	Trong TCMR			Trong TCDV								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)*(4)	(6)	(7)=(5)-(6)	(8)	(9)	(10)=(6)*(8)*(9)	(11)	(12)	(13)=(11)+(12)
1	VGB**	23.716	90%	21.344	21.344	0	1	1,05	22.412	22.500	0	22.500
2	Lao (BCG)	16.339	95%	15.522	12.383	3.139	1	1,8	22.289	22.300	0	22.300
3	DPT-VGB-Hib (5 trong 1)	16.339	95%	15.522	11.581	3.941	3	1,05	36.480	36.500	0	36.500
4	Bại liệt OPV	16.339	95%	15.522	15.522	0	3	1,6	74.506	61.200	1.920	63.120
5	Bại liệt IPV	16.339	95%	15.522	11.593	3.929	2	1,5	34.779	34.800	1.110	35.910
6	Sởi	16.339	95%	15.522	12.977	2.545	1	1,5	19.466	19.500	530	20.030
7	Bạch hầu, Ho gà, Uốn ván (DPT)	16.484	95%	15.660	13.741	1.919	1	2,0	27.482	27.500	0	27.500
8	Sởi-Rubella (MR)	16.484	95%	15.660	12.943	2.717	1	1,5	19.414	19.500	490	19.990
9	Uốn ván (TT)	16.760	90%	15.084	11.908	3.176	2	1,7	40.487	40.500	0	40.500
10	VNNB	16.548	95%	15.721	13.355	2.366	3	1,5	60.096	60.100	1.105	61.205
11	Rota	16.339	95%	15.522	14.378	1.144	2	1,05	30.194	30.200	0	30.200
12	Uốn ván, bạch hầu giảm liều (Td)	22.169	95%	21.061	19.364	1.697	1	1,2	23.236	23.300	0	23.300

**- Ghi chú:**

\* Hệ số sử dụng: Áp dụng theo mức bằng hoặc thấp hơn mức toàn quốc quy định tại Quyết định số 1038/QĐ-SYT ngày 13/8/2024 của Sở Y tế.

\*\* Đối với vắc xin Viêm gan B: Dự trữ vắc xin cần để triển khai tiêm chủng cho trẻ được sinh tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh (bao gồm đối tượng trẻ trong và ngoài tỉnh).